

## NHU CẦU HỌC TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG BÌNH THUẬN MÙA DỊCH COVID-19

Lê Thị Yên Trang\* và Đặng Thị Thanh Hậu

Khoa Du lịch - Văn hóa, Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận

\*Tác giả liên hệ: ltytrang@btu.edu.vn

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 22/02/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 30/3/2021; Ngày duyệt đăng: 21/5/2021

### Tóm tắt

Đại dịch Covid-19 đã và đang diễn ra tại các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng, tác động mạnh mẽ đến hoạt động giáo dục. Trong bối cảnh này, tất cả các cơ sở giáo dục đều phải có giải pháp đối phó. Một trong những giải pháp đó là thực hiện đào tạo trực tuyến toàn thời gian. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu những nhu cầu, mong đợi của 265 SV chính quy tại trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận nếu được học trực tuyến hoàn toàn trong thời gian phòng chống dịch bệnh. Nghiên cứu sẽ chọn lọc các yếu tố cụ thể và phù hợp của Selim (2007) vào trong khung các nhóm chung của Daniel và Yi-Shun (2008) gồm 3 nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến nhu cầu học tập trực tuyến, đó là Giao diện người dùng, Cộng đồng học tập, Nội dung và cá nhân hóa. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt về nhu cầu học trực tuyến và xác định có 6 loại khó khăn mà sinh viên thường gặp nhất nếu trải nghiệm học trực tuyến hoàn toàn. Từ đó có sự chuẩn bị chu đáo hơn để việc dạy và học trực tuyến đạt hiệu quả cao.

**Từ khóa:** Cao đẳng Cộng đồng, Covid-19, học tập trực tuyến.

---

## STUDENTS' DEMAND FOR ONLINE LEARNING AT BINH THUAN COMMUNITY COLLEGE IN COVID-19

Le Thi Yen Trang\* and Dang Thi Thanh Hau

Department of Tourism - Culture, Binh Thuan Community College

\*Corresponding author: ltytrang@btu.edu.vn

### Article history

Received: 22/02/2021; Received in revised form: 30/3/2021; Accepted: 21/5/2021

### Abstract

The Covid-19 pandemic has been outspreading worldwide and Vietnam in particular, negatively impacting on educational activities. Therefore, all educational institutions have their coping tactics. One tactical solution is entirely online training. This study aims to find out the needs and expectations of 265 full-time students at Binh Thuan Community College if they are required to study completely online during disease prevention. The study will select the possible and relevant factor tools of Selim (2007) into the general framework of Daniel and Yi-Shun (2008), including 3 group factors that affect the demand for online learning. They are user interface, community practice, and content and personalization. The results of the study show differences in the needs of online learning and identify 6 types of difficulties that students most often encounter with a complete online experience. Thereby, there is a more thoughtful preparation to effectively teach and learn online.

**Keywords:** Community College, Covid-19, online learning.

---

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.10.6.2021.916>

Trích dẫn: Lê Thị Yên Trang và Đặng Thị Thanh Hậu. (2021). Nhu cầu học trực tuyến của sinh viên Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận mùa dịch Covid-19. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 10(6), 100-105.

## 1. Đặt vấn đề

Quan điểm giáo dục: “Lấy người học làm trung tâm” đang ngày càng được quan tâm. Một trong các giải pháp đề cao vai trò người học là triển khai hoạt động học tập trực tuyến tại các trường đại học, cao đẳng. Học tập trực tuyến đã làm thay đổi mạnh mẽ quá trình tự học của sinh viên (SV), giúp SV phát huy khả năng cá nhân hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học tại các trường. Lợi ích của mô hình học tập này đã thể hiện ngày càng rõ nét khi giúp các trường đại học tiếp tục duy trì hoạt động đào tạo và kết nối hàng triệu lớp học cho SV và giảng viên (GV) trên toàn quốc.

Theo Connolly và Stansfield (2006), ứng dụng công nghệ trong đào tạo đã trải qua ba giai đoạn chính. Giai đoạn đầu tiên được đánh dấu bằng việc sử dụng thụ động công nghệ internet, các tài liệu giấy truyền thống được chuyển sang định dạng trực tuyến. Giai đoạn thứ hai được đánh dấu bằng sự phát triển công nghệ truyền thông băng tần cao, gia tăng hiệu quả và hiệu suất kết nối, truyền tải thông tin, phương tiện truyền phát đa dạng thiết bị, tài nguyên số ngày càng phát triển. Môi trường học tập ảo được hình thành với sự kết hợp giữa hai hình thức trực tiếp và trực tuyến. Giai đoạn thứ ba hiện đang diễn ra, được đánh dấu bằng sự kết hợp bằng mạng xã hội, kết nối diện rộng, mô phỏng trực tuyến, học tập trên thiết bị di động (mobile learning). Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện nhằm đánh giá vai trò của công nghệ trong học tập trực tuyến, Rosenberg (2000) và O’Leary (2005) khẳng định học tập trực tuyến dựa trên nền tảng sử dụng các công nghệ Internet để cung cấp một loạt các giải pháp giúp nâng cao kiến thức và hiệu suất đào tạo.

Học tập trực tuyến giúp môi trường học tập không bị giới hạn về thời gian và không gian, đồng thời giảm chi phí đào tạo và xã hội (O’Leary, 2005). Quá trình phòng chống dịch bệnh Covid-19 một lần nữa đã khẳng định hiệu quả của hoạt động dạy học trực tuyến. Tại Trường Cao đẳng Cộng đồng (CĐCĐ) Bình Thuận, trong thời gian phòng chống dịch bệnh, trường buộc phải triển khai thử nghiệm hoạt động giảng dạy và học trực tuyến tại 02 lớp với tổng số 40 SV. Kết quả cho thấy, SV đã gặp rất nhiều khó khăn để thích nghi với sự thay đổi đột ngột này. Với tình hình hiện nay, khi dịch bệnh Covid-19 vẫn chưa được kiểm soát, nguy cơ dịch bệnh bùng phát buộc nhà trường cần chủ động chuẩn bị phương án học tập trực tuyến hoàn toàn để ứng phó với đại dịch. Do đó, để tìm hiểu nhu cầu học trực tuyến của SV chính

quy Trường CĐCĐ Bình Thuận mùa dịch Covid-19, nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự quan trọng về các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học trực tuyến của SV trong tình thế phải đối phó với đại dịch. Đồng thời, nghiên cứu cũng tìm thấy 06 nhóm khó khăn nổi bật của SV. Từ đó có sự chuẩn bị chu đáo hơn để việc dạy và học trực tuyến đạt hiệu quả cao.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Đại dịch Covid-19

Theo WHO (2020), một loại Coronavirus mới gây ra hội chứng hô hấp cấp tính nặng chính thức được công bố bởi Trung tâm kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh Trung Quốc là tác nhân gây bệnh Covid-19. Dịch bệnh Covid-19 bắt đầu bùng phát từ thành phố Vũ Hán, Trung Quốc tháng 12 năm 2019 và đã trở thành một vấn đề sức khỏe cộng đồng, một thách thức to lớn đối với tất cả các nước trên thế giới và đòi hỏi các nước cần có những biện pháp phòng chống dịch quyết liệt.

Tại Việt Nam, để phòng chống đại dịch, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 16/CT-TTg với các biện pháp thực hiện cách ly toàn xã hội, hạn chế di chuyển, tạm dừng tổ chức các hoạt động tụ tập đông người trong đó có hoạt động đào tạo tập trung tại các cơ sở giáo dục. Để đảm bảo kế hoạch đào tạo không bị gián đoạn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường trong toàn quốc phải nhanh chóng triển khai mô hình đào tạo trực tuyến đến học sinh SV.

### 2.2. Học tập trực tuyến

Khái niệm học tập trực tuyến đã trở nên quen thuộc với lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi dịch bệnh đang hoành hành, học tập trực tuyến được ứng dụng ngày càng rộng rãi trên các quốc gia trên thế giới. Theo Rosenberg (2000) học tập điện tử là sử dụng các công nghệ Internet để cung cấp các giải pháp khác nhau cho người học. Tương tự, Welsh và cs. (2003) cũng chỉ ra rằng, học tập trực tuyến sử dụng công nghệ kết nối mạng máy tính trên môi trường Internet để cung cấp thông tin và hướng dẫn cho cá nhân có nhu cầu. Holmes và Gardner (2006) cũng xác định học trực tuyến cung cấp cho chúng ta quyền truy cập vào các tài nguyên thúc đẩy việc học ở mọi nơi và mọi lúc. Nghiên cứu của Oliver và Towers (2000) cũng khẳng định một cách chắc chắn rằng nếu không có môi trường kết nối và thiết bị phù hợp và dễ dàng truy cập, sẽ rất khó hoặc không thể thực hiện học tập trực tuyến.

Như vậy, các khái niệm về học tập trực tuyến đều nhấn mạnh các yếu tố là học tập, công nghệ và kết nối Internet.

### 2.3. Nhu cầu của SV nếu được tham gia học tập trực tuyến

Học tập trực tuyến khác biệt hoàn toàn với hình thức học tập trực tiếp, học sinh và SV sẽ được cá nhân hóa hoàn toàn, tính chủ động, tự giác sẽ được nâng cao đáng kể. Hiệu quả của cách học này sẽ được so sánh bởi thực tế trải nghiệm với những mong đợi của bản thân được hình thành trước khi tiếp xúc với hệ thống. Theo Chin và Lee (2009), sau quá trình trải nghiệm, người dùng sẽ đánh giá sự khác biệt giữa mong đợi ban đầu với kết quả thực tế nhận được, kết quả đánh giá sẽ dẫn đến sự hài lòng hay không hài lòng của người dùng đối với hệ thống thông tin.

Khi tham gia học tập trực tuyến, học sinh SV được xem như khách hàng với các nhu cầu cần được xác định và đáp ứng bởi các cơ sở cung cấp dịch vụ là trường học. Lovelock và cs. (2004) cũng khẳng định đào tạo trực tuyến được xem là một loại hình dịch vụ có sử dụng nền tảng công nghệ thông tin và SV sẽ được tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ. Đồng thời, trong quá trình sử dụng, sự tương tác giữa người học và hệ thống thông tin sẽ hình thành những trải nghiệm và sẽ ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học (Lindgaard và Dudek, 2003).

Ngoài những mong đợi được hình thành trước khi trải nghiệm thực tế, người học cũng xuất hiện tâm lí lo ngại rủi ro nếu tiếp xúc với công nghệ đào tạo trực tuyến. Benson và cs. (2001) chỉ ra rằng, thông thường, những lí do khiến cho hệ thống đào tạo trực tuyến thất bại là vấn đề thiếu hỗ trợ về mặt kĩ thuật, tư vấn cho người dùng, cũng như mức độ dễ sử dụng của hệ thống.

Để tìm hiểu các nhu cầu của học sinh SV nếu tham gia học tập trực tuyến, nghiên cứu được vận

dụng kết quả của các nghiên cứu trước về đo lường sự hài lòng của người học trực tuyến. Chẳng hạn, Bailey và Pearson (1983) đã xây dựng thang đo lường sự hài lòng của người dùng đối với hệ thống thông tin gồm 39 yếu tố nhưng chưa tiến hành phân loại. Trong khi đó, Daniel và Yi-shun (2008) khẳng định có 4 nhóm chính để đo lường sự hài lòng của SV đối với hình thức học tập trực tuyến: (1) Nội dung và thiết kế thể hiện qua bài giảng cần được cập nhật liên tục và nội dung phải thể hiện hiệu quả và hữu ích đối với người học; (2) Cộng đồng học tập gồm người hướng dẫn, SV trong và ngoài lớp, sự thuận tiện trong thảo luận với GV, SV và sự dễ dàng trong chia sẻ thông tin; (3) Cá nhân hóa thể hiện tính chủ động của người học trong việc kiểm soát quá trình học tập từ phía người học và GV; và (4) Khía cạnh công nghệ liên quan đến đến sự thân thiện và dễ tương tác với người dùng, sự ổn định trong hoạt động và sử dụng hiệu quả các thành phần trong hệ thống.

Trên cơ sở vận dụng kết quả của Daniel và Yi-Shun (2008) về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học về E-learning làm mô hình quan niệm đề nghị cho nghiên cứu. Tuy nhiên, mô hình nghiên cứu của chúng tôi có điểm khác biệt. Cụ thể ở nhóm *Cộng đồng học tập* ban đầu chỉ gồm tổng quát hai yếu tố chính là *dễ trao đổi với GV/SV và truy cập dữ liệu chia sẻ*. Điều này chưa thể hiện đầy đủ các yếu tố tác động đến hiệu quả học tập trực tuyến so với nghiên cứu của Selim (2007) bao gồm thêm các yếu tố khác như *GV nhiệt tình, GV sử dụng phương pháp đa dạng...* Vì vậy, nghiên cứu chọn lọc các yếu tố cụ thể và phù hợp của Selim (2007) vào trong khung các nhóm chung của Daniel và Yi-Shun (2008). Như vậy, mô hình nghiên cứu được đề nghị sẽ có 3 nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến nhu cầu học tập trực tuyến, đó là (C1) *Giao diện người dùng*, (C2) *Cộng đồng học tập*, và (C3) *Nội dung và cá nhân hóa* (Bảng 2).

**Bảng 1. Nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học trực tuyến**

STT	Nội dung yếu tố đánh giá
<b>I</b>	<b>Giao diện người dùng</b>
1	Giao diện dễ sử dụng
2	Mạng ổn định, tốc độ load của website nhanh
3	Học trực tuyến vẫn tạo cảm giác như lớp học truyền thống
4	Thiết kế nội dung trên từng trang đẹp
5	Nội dung thiết kế ngắn gọn, đảm bảo đầy đủ thông tin cần thiết
6	Việc chuyển tiếp giữa các trang web dễ dàng

II	Cộng đồng học tập
1	GV nhiệt tình, thân thiện đối với SV
2	SV chủ động sắp xếp được thời gian cá nhân
3	Nội dung học đáp ứng mong đợi của học viên
4	SV được thảo luận với SV khác và GV
5	GV sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng
6	SV dễ dàng tìm kiếm tài liệu phù hợp nhu cầu
7	SV có nền tảng cơ bản về công nghệ
8	SV có động lực học tập và sẵn sàng học trên E-learning
III	Nội dung và cá nhân hóa
1	Tài liệu cập nhật liên tục từ GV, SV
2	GV, SV dễ dàng theo dõi quá trình dạy và học
3	Hệ thống có chế độ sao lưu dữ liệu
4	Chế độ bảo mật cao
5	Bài giảng được thiết kế theo nhiều hình thức đa dạng (video, game,...) phù hợp với nhu cầu của SV
6	Tài liệu được download dễ dàng

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường CĐCD Bình Thuận và trong bối cảnh phòng chống đại dịch Covid-19. Đối tượng tham gia khảo sát là SV chính quy để tham dự học tập trực tuyến hoàn toàn nếu đại dịch xảy ra và bắt buộc phải giãn cách xã hội. Nghiên cứu sẽ thực hiện khảo sát bằng bảng câu hỏi. Với kết quả khảo sát, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả gồm các bảng tần số và tần suất đối với các biến định tính, giá trị trung bình, giá trị lớn nhất và nhỏ

nhất đối với các biến định lượng, để có những đánh giá ban đầu về dữ liệu thu thập được của các biến.

Thang đo Likert 5 cấp độ (với 1= Không quan trọng, 2= Ít quan trọng, 3= Quan trọng như nhau, 4 = Quan trọng hơn và 5= Rất quan trọng) được sử dụng trong bảng hỏi. SV nhận bảng hỏi trực tiếp. Số lượng bảng hỏi phát ra là 268; số nhận lại và trả lời bảng hỏi hợp lệ là 265 (chiếm tỷ lệ 98,9%). Tỷ lệ tham gia phản hồi của SV phân biệt giữa các Khoa được thể hiện trong Bảng 1.

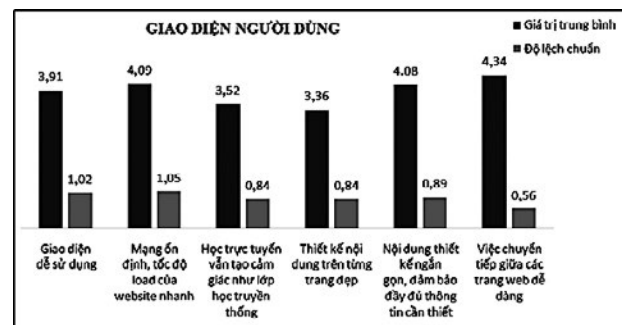
**Bảng 2. Tỷ lệ % SV tham gia khảo sát**

Đơn vị	Số lượng SV tham gia khảo sát	Tỷ lệ % SV tham gia khảo sát
Khoa Du lịch - Văn hóa	115	43,4
Khoa Sư phạm	90	34
Khoa Ngoại ngữ	60	22,6
<b>Tổng cộng</b>	<b>265</b>	<b>100</b>

### 4. Kết quả nghiên cứu

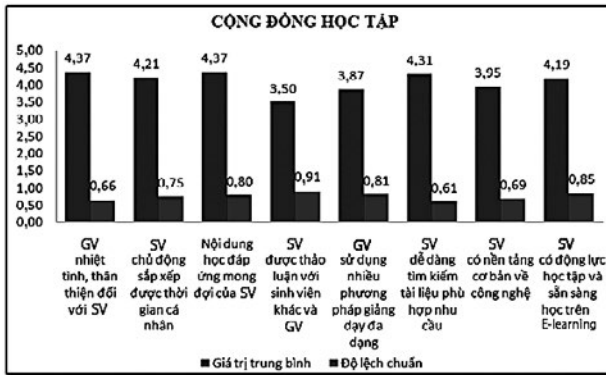
Kết quả phân tích thể hiện giá trị trung bình chung của các thành phần trong thang đo đánh giá về thành phần giao diện người dùng trong quá trình học tập cho thấy SV hầu như đều có đánh giá về sự quan trọng của các yếu tố, giá trị đánh giá thấp nhất là 3,36 (về thiết kế nội dung trên từng trang đẹp) và lớn nhất là 4,34 (việc chuyển tiếp giữa các trang web dễ dàng được SV đánh giá là rất quan trọng) (Hình 1).

Liên quan đến yếu tố cảm nhận của SV về thành phần “Cộng đồng học tập” cho thấy các thang đo được



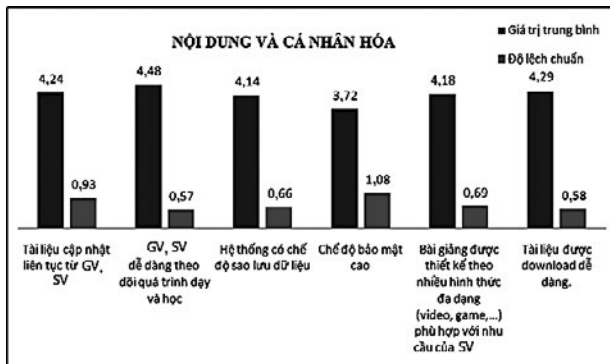
**Hình 1. Giao diện người dùng**

đánh giá sự quan trọng có giá trị thấp nhất là 3,5 và lớn nhất là 4,37 (Hình 2).



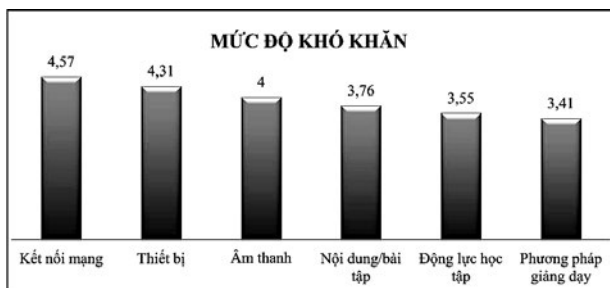
Hình 2. Cộng đồng học tập

Kết quả đo lường đánh giá sự quan trọng của SV về Nội dung và cá nhân hóa được thể hiện ở Hình 3, kết quả cho thấy các yếu tố được SV đánh giá quan trọng nhất là về GV, SV dễ dàng theo dõi quá trình dạy và học (Mean = 4,48), thấp nhất là chế độ bảo mật cao (Mean = 3,72). Các tiêu chí khác tuy có kết quả thấp hơn nhưng không có sự chênh lệch nhiều, giá trị trung bình giao động trong khoảng từ 4,14 - 4,29.



Hình 3. Nội dung và cá nhân hóa

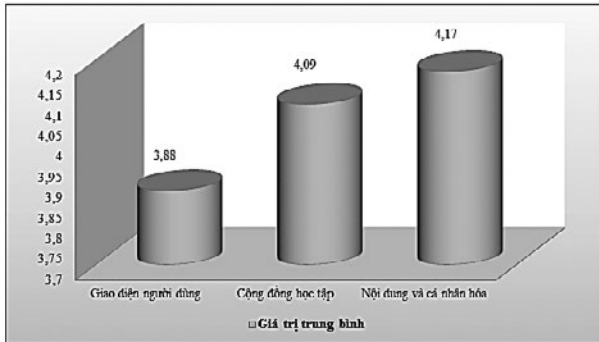
Ngoài ra, số lượng câu trả lời về những khó khăn trong quá trình học tập trực tuyến được tổng hợp và phân loại thành những nhóm có nội dung tương đồng. Với 265 SV tham gia khảo sát, có tất cả 265 ý kiến về những khó khăn trong quá trình học tập trực tuyến, kết quả này được phân chia thành 6 nhóm khó khăn chính (Hình 4).



Hình 4. Mức độ khó khăn

Kết quả khảo sát cho thấy nhóm khó khăn là nguyên nhân chính làm cho việc học trực tuyến không hiệu quả và có số lượng phản hồi nhiều nhất liên quan đến kết nối mạng Internet (có 167 ý kiến cho rằng kết nối mạng rất quan trọng) (Mean = 4,57) bao gồm những kết quả về: kết nối mạng không ổn định trong quá trình học, tình trạng cúp điện đột xuất, tốc độ đường truyền mạng kém, không có wifi phải dùng 3G nên rất tốn kém cho SV. Tình trạng mạng không ổn định cũng là một trong những nguyên nhân làm cho SV bị mất điểm do khi GV điểm danh thì SV bị mất kết nối khỏi lớp học. Nguyên nhân thứ hai là về vấn đề thiết bị, SV cho rằng đây chính là khó khăn của họ (có 150 ý kiến cho rằng thiết bị là quan trọng để thực hiện việc học trực tuyến) (Mean = 4,31). Do hoàn cảnh nhiều SV còn khó khăn tài chính nên chưa thể trang bị máy tính xách tay, điện thoại thông minh hoặc có những thiết bị này nhưng tại nơi ở chưa lắp đặt Wifi để phục vụ cho việc học tập trực tuyến, ngoài ra các thiết bị phụ trợ khác như sách giáo khoa, webcam, micro cũng ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV. Liên quan đến nguyên nhân về âm thanh (có 119 ý kiến cho rằng âm thanh rất quan trọng khi ảnh hưởng đến hiệu quả học tập trực tuyến) (Mean = 4), với lý do giãn cách xã hội trong thời kỳ phòng chống dịch bệnh, SV buộc phải học trực tuyến tại nhà, các âm thanh ở môi trường sống luôn hiện hữu: tiếng xe cộ, tivi, nhạc... gây mất tập trung cho việc học trực tuyến. Nhóm nguyên nhân kế tiếp là về vấn đề nội dung/bài tập (có 130 ý kiến đánh giá là quan trọng) (Mean = 3,76), SV cho rằng việc học trực tuyến không hiệu quả, không dễ tiếp thu cũng như khó để hệ thống kiến thức trong lúc học, đặc biệt các môn học có nhiều bài tập hoặc môn thực hành. Nguyên nhân của khó khăn này có thể là do SV chưa thích nghi được với phương pháp học mới khi có sự thay đổi một cách đột ngột hoặc do SV không quen với việc tự học, tự nghiên cứu thông qua các thiết bị công nghệ. Nhóm nguyên nhân thứ năm là động lực học tập (Mean = 3,55), do dịch bệnh có thể đến bất ngờ, tâm lý của SV hoang mang vì lo sợ dịch bệnh dẫn đến ảnh hưởng đến việc học tập, một số SV thì tâm lý chủ quan cho rằng việc học trực tuyến sẽ không bị GV giám sát chặt chẽ như tại lớp học trực tiếp, do vậy làm giảm động lực học tập. Cuối cùng là nhóm khó khăn về phương pháp giảng dạy của GV (có 120 ý kiến) (Mean = 3,41), một số GV ít tương tác với SV qua các kênh, không giải đáp thắc mắc cho SV một cách kịp thời, không theo sát quá trình học của SV dẫn đến việc SV không theo kịp bài học.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, SV tại Trường CĐCD Bình Thuận đã có đánh giá sự quan trọng của các yếu tố ở mức độ tiệm cận hoặc trên trung bình đối với nhu cầu học tập trực tuyến. Cụ thể, những yếu tố liên quan đến nội dung và cá nhân hóa được SV đánh giá quan trọng hơn so với hai thành phần giao diện người dùng và cộng đồng học tập (Hình 5).



Hình 5. Cảm nhận của người học về học tập trực tuyến

## 5. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá nhu cầu học trực tuyến của SV chính quy tại Trường CĐCD Bình Thuận trong thời gian phòng chống dịch Covid-19. Qua khảo sát 265 SV chính quy tại các khoa, kết quả khảo sát cũng phần nào thể hiện được nhu cầu của SV về học tập trực tuyến. Kết quả nghiên cứu cho thấy nếu dịch bệnh xảy ra và học tập trực tuyến là giải pháp bắt buộc thì khó khăn lớn nhất mà SV gặp phải là vấn đề mạng Internet ổn định để hỗ trợ cho quá trình học tập trực tuyến của SV. Thêm vào đó, những mong đợi của SV nếu học trực tuyến được sắp xếp theo mức độ quan trọng như sau:

Đối với nhóm "nội dung và cá nhân hóa", tiêu chí nổi bật hơn cả là sự dễ dàng theo dõi quá trình dạy học trực tuyến như tại lớp học trực tiếp nhằm tạo động lực học tập của SV và nâng cao vai trò tương tác của GV đối với SV. Trong nhóm Cộng đồng học tập, tiêu chí GV nhiệt tình, thân thiện của GV sẵn sàng hỗ trợ SV và nội dung học tập đáp ứng mong đợi của SV giúp các em tự tin với việc học trực tuyến. Còn đối với nhóm "Giao diện người dùng", tiêu chí quan trọng nhất được SV chọn lựa là việc chuyển tiếp giữa các trang web một cách dễ dàng để trong quá trình học, SV vừa học trực tuyến kết hợp download tài liệu, video một cách dễ dàng phục vụ cho việc học.

Như vậy, để triển khai học tập trực tuyến hoàn toàn cho SV đòi hỏi phải có sự chuẩn bị không chỉ về mạng Internet, cơ sở hạ tầng kỹ thuật mà còn chuẩn bị cho sự sẵn sàng cho người học lẫn người dạy. Các khó khăn của SV được nêu ra góp phần cho Nhà trường

trong việc kiểm tra, đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo và quan trọng hơn nhất là có thể thiết lập chiến lược và kế hoạch phát triển lâu dài cho đào tạo trực tuyến khi ứng dụng trên tất cả các hệ đào tạo của trường.

Hạn chế của nghiên cứu này là chỉ khảo sát SV chính quy tại Trường CĐCD Bình Thuận để tìm hiểu nhu cầu học tập trực tuyến. Điều này dẫn đến việc chưa phân tích đầy đủ được nhu cầu của SV không chính quy tại Trường. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này có thể là nền tảng cho một nghiên cứu mang tính phổ quát hơn nếu được thực hiện với khung phân tích hoàn thiện và có thêm sự tham gia của SV không chính quy.

## Tài liệu tham khảo

- Annis L.F. (1983). The processes and effects of peer tutoring. *Human Learning: Journal of Practical Research & Applications*.
- Bailey, J. E. & Pearson, S. W. (1983). Development of a tool for measuring and analyzing computer user satisfaction. *Management science*, 29(5), 530-545.
- Chang, M. K., & Cheung, W. (2001). Determinants of the Intention to Use Internet/www at Work: A Confirmatory Study. *Information and Management*, 39(1), 1-14.
- Daniel, Y. S. & Yi-Shun, W. (2008). Multi-criteria evaluation of the web-based eLearning system: A methodology based on learner satisfaction and its applications. *Computers & Education*, 50, 894-905.
- Lee, M. S., An, H. (2018). A study of antecedents influencing eWOM for online lecture website: Personal interactivity as moderator. *Online Information Review*.
- Oliver, R., & Towers, S. (2000). *Uptime: Information communication technology: Literacy and access for tertiary students in Australia*. Canberra: Department of Education, Training and Youth Affairs.
- Park, J., Lee, D. & Ahn, J. (2004). Risk-focused e-commerce adoption model: A cross-country study. *J. of Global Inform. Technol. Manage.*, 7, 6-30.
- Vũ Thúy Hằng và cs. (2013). Tích hợp các yếu tố ảnh hưởng đến hài lòng của người học vào hệ thống E-learning: Một tình huống tại trường đại học Kinh tế - Luật. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 53, 2013.
- World Health Organization (2020). Clinical management of severe acute respiratory infection when novel coronavirus (2019-nCoV) infection is suspected: interim guidance (accessed 2020 Feb 17).